

# DU LỊCH VĂN HÓA và vấn đề bảo vệ, phát huy di sản ở người Lạch, Lạc Dương, Lâm Đồng

**HOÀNG CẨM**

## Đặt vấn đề

Trong vài năm trở lại đây, dù là vào ban ngày hay đêm muộn, không gian của Bon Dong, nơi cư trú lâu đời của người Lạch, nay thuộc địa phận thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng không yên ả như nhiều thôn buôn ở nhiều vùng miền núi Việt Nam khác. Hằng ngày, không khí náo nhiệt của buôn không chỉ được khuấy động bởi hàng trăm khách du lịch trong và ngoài nước, mà còn luôn được 'hâm nóng' bởi các bài chiêng, làn điệu dân ca và các bài hát hiện đại. Khoảng 7 giờ tối vào một ngày đẹp trời cuối thu năm 2012, sau khi cùng thưởng thức nhiều món ăn cổ truyền của người Lạch với hàng trăm khách du lịch khác "tại nhà hàng" của gia đình ông Kten<sup>(1)</sup>, chúng tôi mua vé vào khu lửa trại của gia đình, một khu lửa trại lớn nhất của thị trấn Lạc Dương lúc bấy giờ. Tuy bên ngoài không để lại ấn tượng lớn, song đằng sau cánh cửa gỗ khá đơn giản của khu lửa trại, được xây dựng nằm khuất đằng sau ngôi nhà ba tầng khang trang của gia chủ, là một phòng biểu diễn, giao lưu khá rất lớn với sức chứa hơn 500 chỗ ngồi. Dãy tường sau cùng, sát với 'sân khấu' chính dành cho các 'diễn viên' biểu diễn, được trang trí khá ấn tượng và đẹp mắt bởi nhiều hình vẽ một số loại hoa văn, các vật dụng và nhạc cụ truyền thống của người Lạch. Xen giữa các vật dụng, hình vẽ trang trí là hai bộ loa và am-li lớn, hiện đại.

Sau khi đồng "lửa trại" với những khúc cù lớn được bố trí ngay tại trung tâm của phòng biểu diễn được đốt lên, ông chủ của câu lạc

bộ, đồng thời cũng là người dẫn chương trình, khai màn buổi biểu diễn/sinh hoạt bằng việc giới thiệu về người Lạch ở Lâm Đồng, trong đó nhấn mạnh đến sự riêng biệt, khác lạ của tộc người, từ lịch sử cư trú, phương thức canh tác nương rẫy truyền thống, cho đến các thực hành văn hoá đặc trưng khác như hôn nhân mẫu hệ, không gian sinh hoạt trong ngôi nhà sàn cổ truyền, lễ bỏ mả, các ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống của tộc người, v.v... Xen lẫn lời giới thiệu với nội dung nhấn mạnh đến sự khác lạ của văn hoá người Lạch nhằm tạo sự hấp dẫn cho du khách, là các bản nhạc có sự pha trộn giữa giai điệu, bài bản công chiêng với nhạc cụ hiện đại như ghi ta, đàn organ. Nhằm "tạo sự thoải mái, vui vẻ cho du khách là chính", nên ngoài các bài biểu diễn riêng của các "vũ công", chủ yếu là những chàng trai, cô gái trẻ người Lạch trong trang phục cổ truyền được cách tân của tộc người được đào tạo vũ đạo khá bài bản, chuyên nghiệp, khán giả được mời xuống giao lưu với các vũ công địa phương bằng cách cùng nhảy, cùng hát và cùng tham gia vào các trò chơi "dân gian" pha lẫn hiện đại vui nhộn. Buổi biểu diễn kết thúc với màn giới thiệu, sau đó là mở và uống các bình rượu cần được đặt xung quanh đồng lửa đã gần tàn, cùng các xôi thịt nướng đậm đà chất dân tộc đem lại cho sự hân hoan của cả khách và chủ.

Buổi sinh hoạt "lửa trại" như vừa mô tả ở trên chỉ là một trong hàng trăm buổi biểu diễn, với nội dung và quy trình gần giống nhau, được tổ chức gần như quanh năm bởi không chỉ của

riêng câu lạc bộ lửa trại của gia đình Kte, mà còn của hơn 10 câu "lạc bộ sinh hoạt lửa trại" khác của người dân Bon Dong. Sự nở rộ của các câu lạc bộ công chiêng cũng như những cố gắng trong việc tự sưu tầm, bảo tồn các thành tố văn hoá tộc người khác trong cộng đồng, được bắt đầu sau Đổi mới, đặc biệt là khoảng từ những năm 2000, sau hàng thập kỉ bị lãng quên. Khi lượng khách du lịch đến thăm Lạc Dương ngày càng đông và nhu cầu trải nghiệm, thưởng thức văn hoá tộc người của họ ngày càng tăng lên. Ngoài việc tự sưu tầm, học hỏi một số bài chiêng, làn điệu dân ca và các bài múa cổ truyền phục vụ cho việc biểu diễn ở các câu lạc bộ, người dân Bon Dong cũng quan tâm đến việc sưu tầm một số hiện vật văn hoá vật chất, như nhạc cụ, hoa văn từ các sản phẩm dệt, các loại chiêng chế cũng như các món ăn cổ truyền của cha ông để giới thiệu cho khách du lịch. Tuy nhiên, song song với quá trình sưu tầm và bảo tồn các di sản văn hoá cổ truyền của tộc người, ông chủ của các câu lạc bộ cũng tìm cách tích hợp các thành tố văn hoá mới, hiện đại từ bên ngoài cũng như cách tân các thực hành văn hoá tộc người để tăng sự hấp dẫn cho các buổi trình diễn đối với du khách.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày và phân tích các tác động của sự phát triển du lịch văn hoá đối với vấn đề bảo tồn và phát huy di sản ở cộng đồng người Lạch Lạc Dương, trong đó quan tâm xem xét các cách thức bảo tồn và phát huy di sản văn hoá mà người dân Bon Dong đang thực hành hiện nay có tác động như thế nào đến sự tồn tại và biến đổi của văn hoá tộc người? Dựa trên tư liệu thu thập trong các chuyến điền dã vào năm 2011 và 2012<sup>21</sup>, chúng tôi cho rằng nguồn lợi kinh tế từ việc bán các sản phẩm văn hoá vật thể và phi vật thể cho du khách đã trở thành chất xúc tác cho người dân tự sưu tầm vào bảo tồn các thực hành văn hoá truyền thống của cộng đồng sau nhiều năm bị lãng quên (Cohen 1988, Chambers

2000). Trong bối cảnh mới, các thanh thiếu niên, những thế hệ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các thực hành văn hoá cổ truyền của tộc người đã tìm được môi trường cũng như động lực mới để học cũng như thực hành công chiêng, múa hát và nhiều khía cạnh văn hoá cổ truyền khác. Tuy nhiên, giống như quan sát của Malita (2006) về vấn đề bảo tồn di sản văn hoá ở làng du lịch cộng đồng người Thái Mai Châu, Hoà Bình, việc bảo tồn và phát huy ở cộng đồng người Lạch Lạc Dương cũng diễn ra theo mô hình bảo tồn có lựa chọn. Trong khi quá trình "bảo tồn có lựa chọn" mượn thuật ngữ của Oscar Salemink (1997) do nhà nước tiến hành, có chủ thể là nhà nước, người đặt ra các tiêu chí để lựa chọn bảo tồn hoặc xoá bỏ các thực hành văn hoá cổ truyền, thì trong bối cảnh mới, chủ thể của sự lựa chọn, những người tự quyết định lưu giữ hay loại bỏ một thực hành văn hoá nào đó ở Lạc Dương, lại chính là người dân. Như sẽ trình bày và phân tích trong bài viết, quá trình bảo tồn có lựa chọn trong bối cảnh của sự phát triển du lịch đã và đang và đang làm cho văn hoá của người Lạch ngày một hồi sinh, song quá trình này, nhìn từ một góc độ khác, cũng có thể tạo ra một số thách thức đối với vấn đề bảo tồn di sản và phát triển bền vững của tộc người nói chung.

### **Người Lạch ở Lạc Dương và vấn đề bảo tồn, phát huy di sản trước Đổi mới**

Lạch là tên tự gọi của nhóm tộc người được xếp thành một phân nhánh của dân tộc Cơ Ho (cùng với người Chil và Sre). Người Lạch nói ngôn ngữ nhóm Môn - Khơ Me, thuộc ngữ hệ Nam Á và thực hành hôn nhân mẫu hệ. Cộng đồng Lạch được chọn để nghiên cứu thuộc hai thôn là Bon Dong I và Bon Dong II. Cả hai bon này trước đây thuộc xã Lát, huyện Lạc Dương. Hiện nay, Bon Dong I và Bon Dong II đã được nhập vào thành địa phận của thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Do toàn bộ các bộ phận cư dân người Lạch được nhập vào thị trấn nên dân số của xã Lát hiện nay chỉ còn lại

chủ yếu là người Chil. Người Lạch Bon Dong I và II chuyển đến sinh sống ở thị trấn Lạc Dương từ khoảng những năm 1948 - 1949 khi Pháp tiến hành xây đập thủy điện ở Suối Vàng (cũng thuộc huyện Lạc Dương), địa bàn cư trú trước đây của họ, cách thị trấn Lạc Dương khoảng 20 km.

Hoạt động kinh tế truyền thống chủ yếu của người Lạch là canh tác ruộng nước ở dưới các chân núi, dọc theo các con suối. Mô hình kinh tế nông nghiệp này được thực hành cho đến tận đầu những năm 2000, khi người dân đã chuyển canh tác ruộng nước sang trồng rau và trồng cà phê theo hướng kinh tế thị trường. Trước đây, người Lạch ở Lạc Dương cũng phát triển nhiều ngành nghề thủ công, như đan lát và dệt cối. Người Lạch đan chiếu cối, mũ, đồ đựng thức ăn, v.v..., để sử dụng trong gia đình và trao đổi hàng hoá (chủ yếu là vải may quần áo và các đồ dùng sinh hoạt khác) với người Chil và một số tộc người xung quanh. Từ cuối những năm 1980, do sự sẵn có của hàng hoá du nhập từ bên ngoài nên hầu hết các ngành nghề thủ công của người Lạch đã bị mai một.

Người Lạch có một nền văn hoá dân gian phong phú và đa dạng. Sự phong phú và đa dạng này thể hiện ở hệ thống các nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người (tang ma, cưới xin, đặt tên, bỏ mả, mừng thọ, v.v...), các nghi lễ liên quan đến thực hành canh tác lúa nước (gieo lúa, thu hoạch, cho lúa vào kho, v.v...) và trình diễn dân gian (cồng chiêng, ăn trâu, múa hát, v.v...) trong bối cảnh của các nghi lễ, nghi thức này. Sự phong phú còn thể hiện ở các loại hình văn hoá vật chất như kiến trúc nhà sàn, các sản phẩm thủ công truyền thống, v.v... Trong hệ thống văn hoá dân gian đa dạng và phong phú này, cồng chiêng là sinh hoạt văn hoá nổi bật, được người dân coi là một trong những dấu ấn bản sắc quan trọng nhất của của tộc người. Trước đây, cồng chiêng có mặt ở hầu hết trong các nghi thức nghi lễ của cá nhân,

gia đình, dòng họ và của cộng đồng như lễ bỏ mả, mừng lúa mới, cưới xin, tang ma, hay các buổi sinh hoạt khác của gia đình, dòng họ và cộng đồng. Trong bối cảnh văn hoá này, hầu hết tất cả các thành viên trưởng thành trong làng, dù họ là nữ hay nam, giàu hay nghèo đều có thể trình diễn được nhiều bài chiêng do tổ tiên truyền lại. Theo ông Kte, cách đây khoảng ba thập kỉ, nhà nào cũng có bộ chiêng hết. Thế là khi người ta thu lúa về thì người ta cũng phải cúng lúa, mừng lúa, ăn cơm lúa mới. Nhà ai cũng phải đánh chiêng. Cho nên, nhà nào họ cũng có chiêng, và có chiêng thì cũng biết đánh chiêng<sup>(3)</sup>.

Sau khi thống nhất đất nước, với mục tiêu xây dựng "con người mới và nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa, nhà nước thực hiện chính sách "bảo tồn có lựa chọn" ở khắp mọi miền trên cả nước theo hướng khuyến khích xoá bỏ hoặc cấm nhiều thực hành văn hoá bị coi là mê tín dị đoan, không hợp thời, phi khoa học và lãng phí, trong khi chỉ tập trung bảo tồn các khía cạnh văn hoá "hợp thời, tiến bộ hay văn minh"<sup>(4)</sup>. Chính sách bảo tồn này đã có tác động rất lớn đến việc thực hành văn hoá nói chung và bảo tồn, phát huy di sản nói riêng ở người Lạch Lạc Dương. Ví dụ, theo một cựu cán bộ của Phòng Văn hoá huyện Lạc Dương, hiện là chủ của một câu lạc bộ cồng chiêng ở Lạc Dương, thì đến tận cuối những năm 90, người dân ở Bon Dong không được phép làm lễ ăn trâu để mừng lúa mới và bỏ mả (*po thi*), hai trong những nghi lễ có sử dụng nhiều hình thức trình diễn dân gian, đặc biệt là chiêng, vì hồi đó ta đói nghèo nên chủ trương là phải tiết kiệm, nên mấy ông cán bộ nói chúng ta tính toán xem một con trâu làm lợi được bao nhiêu và chúng ta xả thịt ăn như vậy thì phí quá rồi thì rước chè mất thời gian v.v...<sup>(5)</sup>. Trong các trường hợp bắt buộc không thể không tổ chức ăn trâu, người dân chỉ dám lên lút giết trâu về cúng, không dám tổ chức nghi lễ theo nghi thức truyền thống, có sử dụng cồng chiêng:

“Tôi nhớ là khi trên kia về ấy thì mẹ bệnh nặng mà phong tục ở đây khi bên bờ vực rồi ấy sắp chết thì thường là làm một con trâu. Người ta thường làm cái lễ mà chúng ta thường gọi là lễ đâm trâu mời cả làng, họ hàng xa gần đến ăn với nhau một bữa cơm, bữa tiệc trâu, thì ông cả rạ ông làm phó chủ tịch xã. Ông thì lớn tuổi hơn tôi nhưng vai vế là cháu tôi. Hồi đó trâu còn cày, bò thì người ta nuôi. Hai người rút súng ra, kê ngay đầu con trâu, bùm xong kín đáo lên mang thịt về và tổ chức được cái mâm cơm<sup>(6)</sup>.”

Với thuộc tính cơ bản của văn hoá dân gian là chính thể - nguyên hợp, trong đó các thành tố, cho dù là mang tính tín ngưỡng, nghệ thuật, kinh tế hay xã hội, v.v... đều có sự nối kết chặt chẽ mang tính hữu cơ với nhau, nên tuy nhiều sinh hoạt văn hoá văn nghệ chẳng hạn như biểu diễn công chiêng, ca múa nhạc dân gian, vv không bị liệt vào danh sách các thực hành văn hoá lỗi thời và lãng phí, song sự cấm đoán các thực hành mê tín dị đoan và lãng phí khác trong một khoảng thời gian khá dài từ đầu 1980 đến cuối 1990 đã làm suy giảm hay biến mất nhiều loại hình văn hoá của tộc người. Chẳng hạn, cho dù các làn điệu dân ca mang tính tín ngưỡng không bị hạn chế, song sự mất đi của các nghi lễ liên quan đã làm cho các thực hành văn hoá dân gian này không có môi trường diễn xướng, tồn tại.

Việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, theo vị cụm căn bộ văn hoá huyện này, được chú ý hơn ở Lạc Dương sau khi Nghị quyết trung ương 5 ra đời vào năm 1995. Tuy nhiên, do triết lí bảo tồn có lựa chọn vẫn được tiếp tục sử dụng (Evans 1985, Oscar 1997, Malita 2006), nên chỉ một số di sản và thực hành văn hoá tốt, có giá trị truyền thống và bản sắc tộc người được lựa chọn để khuyến khích bảo tồn. Các thực hành văn hoá bị coi là rườm rà và lạc hậu, chẳng hạn như làm đám tang nhiều ngày, ăn uống nhiều ngày trong đám cưới, hay tổ chức ăn

uống và cúng tại khu nghĩa địa trong lễ bỏ mả, v.v...) tiếp tục bị hạn chế hoặc khuyến khích xoá bỏ. Sinh hoạt văn hoá công chiêng và một số loại hình văn hoá tốt khác, sau Nghị quyết trung ương 5, được khuyến khích bảo tồn. Tuy nhiên, thay vì khôi phục lại môi trường diễn xướng truyền thống nơi các sinh hoạt văn hoá dân gian được truyền dạy một cách tự nhiên, việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân gian được thực hiện theo hình thức, mượn thuật ngữ của Oscar (1997) dân gian hoá [folklorization] hay sân khấu hoá văn hoá, theo đó các thực hành văn hoá bị tách ra khỏi bối cảnh và giá trị của các thành tố văn hoá được tách ra để nhìn nhận và đánh giá một cách độc lập, tách rời nhau (Oscar 1997: 518). Ví dụ tiêu biểu của việc dân gian hoá hay sân khấu hoá trong bảo tồn di sản ở Lạc Dương là hàng năm Phong Văn hoá huyện tổ chức các hội diễn văn nghệ dân gian, rồi mời các đoàn công chiêng và múa hát của các bon đến trình diễn các tiết mục, cho dù đó là các loại hình âm nhạc nghi lễ, có ý nghĩa tôn giáo tâm linh, theo kiểu thi có thưởng ở thị trấn huyện.

Với tính chất là loại hình âm nhạc nghi lễ, có chức năng tôn giáo gắn trực tiếp với các nghi lễ nghi thức của cá nhân, dòng họ và cộng đồng và hàm chứa nhiều ý nghĩa biểu tượng (Malita, 2006, Lê Hồng Lý và các cộng sự 2010, 2012), sân khấu hoá sinh hoạt văn hoá công chiêng và nhiều thực hành văn hoá dân gian khác đã làm mất đi các ý nghĩa tôn giáo và biểu tượng của chúng. Việc sân khấu hoá này cũng làm biến mất môi trường truyền dạy truyền thống, nơi khi chế rựa cần mở ra ở bất cứ nghi lễ nào, tất cả các nghệ nhân giỏi, cho dù họ là phụ nữ hoặc nam giới, đều sẵn sàng trở thành người thầy trong khi tất cả mọi thành viên trong làng, dù là trẻ hay già, giàu hay nghèo, đều có thể có cơ hội học đánh chiêng miễn phí trong một môi trường tốt nhất. Cũng do mất đi môi trường diễn xướng phù hợp nên, lớp trẻ hiện nay, theo già làng Đa Gout M'Loi,

"...chỉ thấy ở nhà bố mẹ nói là ngày lễ, tổ chức cái gì, thì người ta đánh chiêng. Chúng chỉ nghe như vậy thôi chứ không có thấy, không hình dung được ngày xưa người ta tổ chức cụ thể ra sao<sup>(7)</sup>. Hơn nữa, ngày xưa trẻ con được học công chiêng từ nhỏ, học theo cha mẹ, ông bà, nên đến năm 12, 13 tuổi đã biết biểu diễn nhiều bài công chiêng và nhiều sinh hoạt văn hoá dân gian khác. Còn bây giờ, lớp trẻ phải dạy và phải học thì mới biết, nhưng chúng cứng lẩm, không quen, không biết nghe nên học thành thực các bài chiêng, đánh hay, bài bản như xưa là cực kỳ khó khăn.

Tóm lại, chính sách bảo tồn có lựa chọn của nhà nước trong một thời gian dài, kể cả sau khi Nghị quyết trung ương 5 ra đời đã làm mai một nhiều thực hành văn hoá dân gian cổ truyền. Tuy nhiên, sự phát triển của du lịch ở Lạc Dương từ cuối những năm 1990 đã tạo ra một môi trường phục hồi, truyền dạy và biểu diễn mới cho nhiều loại hình văn hoá dân gian, đặc biệt là công chiêng. Phần tiếp theo của bài viết sẽ thảo luận quá trình bảo tồn di sản ở cộng đồng người Lạch Lạc Dương trong bối cảnh mới.

### **Sự phát triển du lịch văn hoá và quá trình phục hồi, bảo tồn văn hoá cổ truyền**

Từ cuối những năm 1990, một sự thay đổi quan trọng liên quan đến vấn đề bảo tồn di sản văn hoá ở các bon người Lạch Lạc Dương là sự phát triển mạnh của du lịch văn hoá tại địa bàn<sup>(8)</sup>. Sau Đổi mới, thành phố Đà Lạt, một điểm nghỉ dưỡng nổi tiếng được xây dựng từ thời Pháp, sau nhiều năm bị lãng quên do chính sách đóng cửa, do chiến tranh và do điều kiện kinh tế khó khăn thời bao cấp, đã trở thành một điểm tham quan của nhiều khách du lịch nước ngoài cũng như người dân từ khắp mọi miền đất nước. Các bon của người Lạch, tọa lạc ngay chân núi Lang Biang, một địa điểm có điều kiện tự nhiên rất đẹp và chỉ cách thành phố Đà Lạt khoảng 15 km (với hệ thống đường sá thuận tiện như hiện nay, từ trung tâm thành

phố Đà Lạt xuống bon chỉ mất khoảng 20 phút nếu đi xe buýt hoặc taxi), cũng trở thành một điểm du lịch hấp dẫn trong nhiều điểm du lịch ở thành phố du lịch này.

Theo người dân kể lại, lúc đầu khách du lịch đến Lạc Dương chỉ để tham quan danh thắng núi Lang Biang - một địa điểm du lịch không thể không đến của nhiều du khách trong và ngoài nước. Sau đó, nhiều khách du lịch, đặc biệt là du khách nước ngoài, đã tìm vào các bản của người Lạch để trải nghiệm đời sống xã hội và văn hoá khác biệt của người địa phương, nhất là ẩm thực và các thực hành văn hoá dân gian như múa, hát và trình diễn công chiêng theo hình thức lửa trại tại buôn. Nhu cầu thưởng thức văn hoá tộc người của khách du lịch đã tạo điều kiện cho sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ của văn hoá, văn nghệ dân gian sau nhiều năm bị lãng quên do môi trường diễn xướng bị mai một. Theo anh Soái Chan, một trong những người đầu tiên của Bon Đong tổ chức trình diễn công chiêng cho khách du lịch, ban đầu, khoảng giữa những năm 1990, khi có nhu cầu của khách (thường là do các tua du lịch đặt vấn đề), những anh em trung niên trong làng biết một vài bài chiêng tập hợp lại với nhau để trình diễn cho khách xem theo hình thức giải trí, không thu tiền. Sau đó, khi nhu cầu thưởng thức công chiêng của khách du lịch tăng lên, những người này tập hợp lại thành lập các câu lạc bộ công chiêng để trình diễn theo hình thức thu phí. Khi trình diễn công chiêng và múa hát trở thành thực hành văn hoá có thể đem lại cho người dân thu nhập đáng kể, nhiều thanh, trung niên trong làng đã tự tìm tòi, học hỏi thêm các bài chiêng từ các cụ nghệ nhân cao tuổi cũng như sưu tầm thêm nhiều bài hát, múa của chính tộc người Lạch để phục vụ khách du lịch tốt hơn. Anh Mít nhớ lại việc học chiêng và sưu tầm các bài múa, hát ở thời điểm những năm đầu khi câu lạc bộ mới thành lập:

"Hồi đó chúng tôi làm vô tư lắm, mỗi người

góp tháng 5 ngàn để trả tiền trà nước. Lúc đầu thì tuần mấy buổi đi tập, và học ở các cụ già, có cụ là thông gia bên bố mẹ tôi. Khoản đóng góp được thì chúng tôi trả tiền trà nước cho các cụ, hồi đó cũng không nhớ học được bao nhiêu bài, nhưng có một số bài nó rất là căn bản mà nói ra nó cũng nhiều cái tên lẩm, thì học được chúng tôi truyền cho nhau và chúng tôi cẩn thận thu vào cái đĩa cát xét, nhưng giờ băng đó để lâu quá rồi nó cũng không sử dụng được nữa, đại khái thu bài gì, tên là gì và ý nghĩa nó là gì. Thì tiếc hồi đó chưa có vi tính nên giờ băng nó hỏng hết, thì nhóm chúng tôi với nghĩa là câu lạc bộ văn hoá, câu lạc bộ gia đình văn hoá, hồi đó là cứ từng cặp từng cặp vậy đó cứ từng cặp vợ chồng. Thì chúng tôi khuyến khích anh em là ai nhớ được cái gì thì ghi ra đấy, ví dụ những câu ca dao, những câu tục ngữ những thành ngữ v.v... rồi sau đó sẽ có bộ phận biên tập lại, phân loại<sup>(9)</sup>.

Từ đầu những năm 2000, khi lượng khách du lịch đến Lạc Dương ngày càng đông và việc biểu diễn công chiêng và múa hát đem lại cho người dân một khoản thu nhập lớn, một số thành viên sinh hoạt trong các câu lạc bộ đầu tiên đã tách ra thành các câu lạc bộ riêng của mình. Để được phép tổ chức biểu diễn, mỗi câu lạc bộ phải có giấy phép của Phòng Văn hoá huyện và đăng kí nội dung biểu diễn với Phòng. Ở thời điểm chúng tôi tiến hành nghiên cứu điền dã, Bon Đơng I và Bon Đơng II có tổng cộng 11 câu lạc bộ công chiêng. Lúc đầu sân khấu biểu diễn chỉ thu hẹp trong khuôn viên của ngôi nhà sàn, có sức chứa từ 30 đến 50 khách. Hiện nay, mỗi một câu lạc bộ đã có một sân khấu riêng, được xây dựng tại khuôn viên của gia đình, để biểu diễn phục vụ khách. Trung bình một sân khấu có thể chứa được khoảng từ 150 đến 200 khách. Có sân khấu, ví dụ như sân khấu của gia đình anh Kran Jan Te, có thể chứa được đến 500 khách<sup>(10)</sup>. Trong những năm gần đây, phần lớn khách du lịch đến Lạc Dương để tham gia lửa

trại công chiêng là người Việt Nam. Khách du lịch muốn đến Lạc Dương để xem biểu diễn phải gọi điện đặt trước vài tiếng, vài ngày hay vài tuần. Đa số khách du lịch đến đây đều đi theo đoàn, do các tua du lịch ở Sài Gòn hoặc Đà Lạt giới thiệu.

Mỗi một câu lạc bộ có khoảng từ 30 đến 50 người, cả nam và nữ, chuyên phục vụ biểu diễn công chiêng, múa, hát và chơi các nhạc cụ khác. Thường thành viên trong một câu lạc bộ là con cháu, họ hàng trong gia đình. Độ tuổi của các diễn viên trong các câu lạc bộ dao động từ 13 đến 40 tuổi. Vì việc trình diễn chỉ diễn ra vào buổi tối, khoảng từ 7 đến 9 giờ, nên thành viên của một câu lạc bộ có nhiều thành phần. Có người là nông dân, ban ngày đi làm cà phê hay trồng rau, buổi tối dành ra khoảng từ 1,5 đến 2 tiếng đồng hồ để biểu diễn kiếm thêm thu nhập; có người là cán bộ, giáo viên tại địa bàn và có thành viên là những sinh viên, học sinh đang học tại Lạc Dương hay thành phố Đà Lạt. Ở thời điểm năm 2011 - 2012, tùy theo lượng khách ít hay nhiều, vé vào xem một buổi trình diễn có thể là 30 hoặc 35.000 đồng/ người. Vào thời điểm chúng tôi nghiên cứu điền dã, có ba câu lạc bộ có khách xem biểu diễn hằng ngày, trung bình một show một tối. Vào mùa du lịch, có tối, có câu lạc bộ phải diễn từ 2 - 3 show. Trung bình, thu nhập của mỗi thành viên câu lạc bộ là 50.000 đồng/ một show diễn.

Một số thành viên lớn tuổi của các câu lạc bộ thường là những người vốn đã có một số hiểu biết hay kỹ năng trình diễn công chiêng và các điệu múa dân gian trước khi tham gia do có cơ hội học hỏi từ các môi trường truyền dạy truyền thống. Tuy nhiên, phần lớn số còn lại, đặc biệt là các em có độ tuổi từ 13 - 20, là những người tuy giỏi về hát nhạc trẻ, hiện đại, song lại mù về văn hoá truyền thống tộc người, nên khi bắt đầu tham gia biểu diễn ở các câu lạc bộ, họ sẽ được chính các ông/bà chủ các câu lạc bộ tổ chức dạy chiêng và múa hát riêng

theo kiểu vừa học vừa thực hành. Thầy dạy có thể là ông chủ của câu lạc bộ, các bạn diễn lâu năm có một chút tri thức và kinh nghiệm về âm nhạc hay một số nghệ nhân được các ông chủ câu lạc bộ mời. Thông thường, những nghệ nhân tham gia giảng dạy cho các em ở các câu lạc bộ là những người thân, có thể là bố mẹ hay chú bác của các ông/bà chủ. Ở một khía cạnh nào đó, hình thức truyền dạy theo kiểu 'vừa học vừa thực hành' này có phần giống với phương pháp truyền dạy truyền thống trong đó người học quan sát và tham gia học chiêng trong lúc các nghệ nhân biểu diễn ở các nghi lễ. Với môi trường thực hành thuận lợi như vậy nên, theo nhắm tính của một ông chủ của một câu lạc bộ, những thanh thiếu niên trong bon có thể diễn tấu các bài chiêng cơ bản có thể lên đến hàng trăm người. So với các thôn, buôn ở các vùng thiếu số khác ở Tây Nguyên trong bối cảnh hiện đại hoá hiện nay, số lượng thanh thiếu niên biết sử dụng chiêng như vậy là không nhỏ.

Sự phát triển của du lịch văn hoá ở Lạc Dương không chỉ đem lại môi trường thuận lợi cho việc truyền dạy và thực hành các sinh hoạt văn hoá và nghệ mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn và phát huy nhiều thành tố văn hoá tộc người khác, đặc biệt là ẩm thực và một số di sản văn hoá khác. Đối với ẩm thực, giống như thực đơn âm nhạc được xây dựng cho các buổi biểu diễn trên sân khấu, các món ăn được ưu tiên lựa chọn nấu phục vụ khách du lịch tại các câu lạc bộ lửa trại thường là các món ăn được chế biến mang đậm chất người Lạc, như lợn giời thiếu rất tự hào của một đầu bếp thanh niên 27 tuổi, đồng thời cũng là ông chủ tạm thời của một câu lạc bộ công chiêng trong thời gian chủ của bạn trẻ này đi vắng lâu ngày tại Mĩ. Diễn hình trong số này có thể kể đến là canh cà đắng, canh rau nấu với da trâu, cá nấu măng chua, thịt lợn nướng bếp, thịt nướng xiên, v.v... Ở ba câu lạc bộ mà chúng tôi có dịp đến thăm, ngoài có

một vài người chuyên phục vụ nấu nướng, một số diễn viên trẻ tham gia biểu trực tiếp trên sân khấu cũng đồng thời là những người 'đầu bếp' chuẩn bị các món ăn phục vụ khách du lịch khi các đoàn với số lượng đông người có nhu cầu đặt ăn tại buôn. Trong một môi trường có điều kiện thực hành liên tục như vậy, nhiều bạn trẻ không chỉ tích lũy được kĩ thuật nấu nướng đơn thuần mà còn có cơ hội khám phá, tìm hiểu về ý nghĩa, giá trị xã hội của các món ẩm thực trong truyền thống văn hoá tộc người nơi họ được sinh ra và lớn lên.

Để phục vụ khách du lịch, ngoài âm nhạc và ẩm thực, nhiều người trong buôn, đặc biệt là chủ của các câu lạc bộ, còn bỏ ra nhiều công sức sưu tầm các hiện vật vật chất để trưng bày trên các sân khấu biểu diễn tại gia và để bán. Diễn hình trong số này là bộ sưu tập hiện vật của Krajan Plin, chủ một câu lạc bộ công chiêng, đồng thời cũng là nghệ nhân biểu diễn và nhạc sĩ sáng tác nổi tiếng nhất của cộng đồng Lạch ở Lạc Dương. Khi bước vào trong căn nhà cấp bốn chật hẹp vốn được sử dụng làm sân khấu biểu diễn trước đây, chúng tôi quan sát thấy hàng trăm hiện vật, từ những hiện vật quý như các loại ché, các bộ chiêng cổ, trống da trâu cho đến các dụng cụ không còn nhiều chức năng sử dụng trong đời sống sinh hoạt hằng ngày hiện nay như gùi, nỏ, quần áo bằng vỏ cây, v.v... Khoảng sân nằm ngay sát ngôi nhà cấp bốn, nơi hiện nay được sử dụng làm phòng biểu diễn khi có đông khách, cũng được trang trí và trưng bày hàng chục hiện vật vật chất khác. Có lẽ mục đích ban đầu khi xây dựng các bộ sưu tầm này là để trưng bày tạo sự hấp dẫn cho khách du lịch, song nhìn từ khía cạnh bảo tồn, chúng là những kho hiện vật sẽ lưu giữ các di sản quý báu của tộc người cho các thế hệ trẻ, không chỉ ở khía cạnh bảo tồn một vật thể cụ thể nào đó đơn thuần mà còn ở khía cạnh tạo ra sự tự tôn, tự hào về giá trị văn hoá tộc người - một trong những khía cạnh quan trọng nhất tạo nên sự

bền vững trong công tác bảo tồn di sản ở bất cứ tộc người, xã hội nào. Điều này được thể hiện rõ khi chúng tôi có dịp ngồi nói chuyện và tham quan khu trưng bày với vợ chồng tên Jick, hiện đang sinh sống tại chính ngôi nhà mà chúng tôi mô tả. Tuy tuổi đời mới chỉ khoảng 22-23, song Jick đã có thể kể một cách kĩ lưỡng và đầy hào hứng về lai lịch, chức năng xã hội và tầm linh của nhiều hiện vật được người chú sưu tầm, vốn đã không còn được sử dụng trong cuộc sống thường ngày của cộng đồng trong một thời gian dài từ trước khi anh được chào đời.

**“Sáng chế truyền thống”, bảo tồn có lựa chọn trong bối cảnh mới và một số thách thức đối với việc bảo vệ di sản**

Theo quy định được văn bản hoá và gửi trực tiếp cho các câu lạc bộ, của Phòng Văn hoá Lạc Dương, để không bị mất ‘bản sắc’, một show biểu diễn ít nhất phải có 50% nội dung mang tính dân tộc. Phần nội dung còn lại dành cho việc giao lưu với khán giả và trình diễn các bài hát, múa hiện đại. Về mặt lý thuyết, nội dung biểu diễn thể hiện thông qua bản đăng kí được các câu lạc bộ trình Phòng Văn hoá huyện mà chúng tôi được xem, về cơ bản, đều đạt được tiêu chí mà cơ quan quản lý văn hoá huyện đề ra. “Số phần trăm” này cũng được thể hiện rõ trong các buổi biểu diễn mà chúng tôi có điều kiện quan sát trực tiếp, vì nếu một buổi biểu diễn, giao lưu diễn ra khoảng 120 phút thì câu lạc bộ sẽ dành thời lượng khoảng 60 phút cho các tiết mục có nội dung ‘dân tộc’, chẳng hạn như trình diễn chiêng, múa, v.v... như Phòng Văn hoá yêu cầu. Tuy nhiên, khi được hỏi về sự khác biệt giữa các tiết mục biểu diễn mà chủ các câu lạc bộ xây dựng để mang tính dân tộc trong các đêm lửa trại với các bài biểu diễn và nội dung các bài hát, múa cổ truyền được lưu truyền trước đây và thực hành hiện nay trong cộng đồng, chị Sally, vợ của ông chủ câu lạc bộ công chiêng Tẹ-Sally bộc bạch:

“Hồi xưa thì hát, hát chỉ có cái nhạc thôi,

mà giai điệu với tốc độ như thế nào đấy nó không quan trọng, hồi ông bà đó. Còn bây giờ thì lại ép vô cái khuôn khổ, lời thì cũng có chỉnh đốn lại, rồi cái giai điệu nó cũng có thay đổi một chút cho nó phù hợp với nhạc bây giờ đấy, chứ không có thể hát như ngày xưa được, vì hát hồi xưa là hát, hát tự do, nó cũng có cái tên để gọi tên gọi của cái giai điệu hoặc tên gọi của bài hát đó nhưng mà đa số là hát tự do không theo nhạc, còn bây giờ thì phải gắn vô cái âm nhạc đó đâm ra là hát nó có thay đổi. Múa thì bây giờ thêm động tác mới, rồi động tác múa của ông bà ngày xưa chỉ có làm chân, làm tay một vài động tác thôi, bây giờ toàn là động tác mới để rập vô thôi, rập vô nhưng mà động tác cũng là Tây Nguyên chứ không có rập động tác mà đụng đến nhạc trẻ”<sup>(11)</sup>.

Không chỉ riêng ở câu lạc bộ Tẹ-Sally, nhiều tiết mục mang tính cổ truyền hay dân tộc, cho dù là hát hay múa, ở các câu lạc bộ mà nhóm nghiên cứu phỏng vấn hoặc tham gia quan sát trực tiếp đều được sáng chế<sup>(12)</sup> giống như những gì mà chị Sally miêu tả. Một trong những lí do dẫn đến sự sáng chế này, theo chị Sally, là đối với thế hệ trẻ hiện nay, việc trình diễn theo đúng nội dung và bài bản cổ truyền, sau một thời gian dài bị lãng quên, là một việc làm không hề dễ dàng:

“Nhiều cụ trạc tuổi có thể đánh đồng la đó là mấy bà biết hát, nhưng mà cỡ tuổi chị thì ít có người hát được lắm, nó rất là khó hát, khó hát hơn nhạc trẻ bây giờ nhiều, gấp mấy lần. Như chị đó, nên người ta mới trêu, làm cùng chị chuyên biết hát, chị hát bài nhạc trẻ, hát bài giải phóng, hát thì chị đi diễn đủ nơi hết mà bây giờ về hát, hát nhạc cổ chị chịu, không hát được”<sup>(13)</sup>.

Lí do quan trọng hơn, theo hầu hết chủ của các câu lạc bộ, là họ phải cải biên các tiết mục cổ truyền để tạo sự hấp dẫn và phù hợp cho nhiều loại đối tượng khán giả, những người bỏ tiền ra chỉ với mục đích có được khoảng 1-2 tiếng buổi tối thư giãn sau một ngày dài tham



quan khá mệt mỏi ở các địa điểm du lịch khác của thành phố. Và vì họ bỏ tiền ra thì coi như là mình cũng phải phục vụ họ trong cái chương trình của mình<sup>(14)</sup> nên dù muốn hay không, các câu lạc bộ đều phải đặt nhu cầu giải trí của du khách lên trên hết. Những tiết mục thuần tính dân tộc, theo anh Mút, chính vì vậy, không phù hợp cho mục đích thư giãn “mà chỉ phù hợp với các đối tượng khán giả là các nhà nghiên cứu, chẳng hạn như nhóm nghiên cứu của UNESCO và một số vị khách là người nước ngoài”. Vì vậy, thậm chí, trong một buổi biểu diễn chúng tôi có điều kiện tham gia từ đầu đến cuối vào một tối năm 2011, các tiết mục thuộc phần có ‘nội dung dân tộc’ hầu như bị phá vỡ hoàn toàn bởi sự tham gia quá nhiệt tình của một nhóm khách thanh niên đến từ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chính vì phải đáp ứng sự giải trí của khách du lịch nên khi nhóm nghiên cứu hỏi cảm nhận của chị Sally về bài báo có nội dung phê phán về ‘sự lai căng giết chết một nền văn hoá’ của các tiết mục sinh hoạt lửa trại ở Bon Dong, chị Sally phân trần:

“Cũng hiểu được ý người ta [nhà báo] nói nhưng mà mình làm theo cách của người ta thì mình làm không có khách, nó khổ vậy, cũng hiểu, cũng biết được, biết được làm như vậy là chết, làm như vậy là mất gốc, nhưng mà chị không làm như vậy là khách du lịch không bao giờ tới, người ta không thích”<sup>(15)</sup>

Các hoạt động bảo tồn và phát huy văn hoá trong bối cảnh của sự phát triển du lịch không chỉ dẫn đến sự “chọn lọc”, “sàng chế” truyền thống như vừa mô tả mà còn dẫn đến sự suy giảm về số lượng và chất lượng trong việc truyền dạy, rõ nhất là ở việc truyền dạy công chiêng. Theo nhiều nghệ nhân ở Bon Dong, do đặc thù của công chiêng không theo hệ thống phổ nhạc, thang bậc, cung nốt như hệ thống nhạc ở phương Tây, nên người dân học bằng cách truyền miệng, truyền khẩu trong môi trường diễn xướng phù hợp. Học một bài

chiêng, theo ông Jil Kte Jak, phải mất sáu tháng đến một năm. “Không những thế, học chiêng là phải biết nghe. Cứ nghe, nghe miết thì cái nhạc dân tộc là cái quan trọng mình phải nghe, nghe mà mình thấm, thấm trong đầu của mình thì cũng như là lúc đấy thì mình tập. Khi mình tập rồi, thì mỗi cái chiêng là mỗi nốt, cho nên là mình phải nghe trong cái đầu mình”<sup>(16)</sup>. So với môi trường truyền dạy truyền thống, việc “nghe để học” trong môi trường thực hành ở câu lạc bộ không đảm bảo chất lượng do đa số người thầy của các em chỉ là các bạn diễn cùng câu lạc bộ có chút hiểu biết về công chiêng, trong khi ở môi trường truyền dạy truyền thống, người thầy thường là những nghệ nhân giỏi nhất của làng.

Thêm vào đó và quan trọng hơn, ở môi trường truyền dạy và thực hành truyền thống, khán giả là những người dân của làng, bao gồm cả các nghệ nhân, những người am hiểu và giỏi về công chiêng, nên người học phải cố học theo đúng bài bản và những người truyền dạy cũng truyền nghề truyền ngôn cho các em theo mức tốt nhất có thể. Trong khi đó, ở môi trường câu lạc bộ, do tâm lý chỉ dạy và học để trình diễn cho khách du lịch - những người có biết đâu đánh đờ hay là đánh hay hay đánh sai gì cũng không biết - theo quan sát của cụ Đa Gout M’Lor, nên cả người dạy và người học không chú ý đầu tư công sức vào phát triển kỹ năng và chất lượng trình tấu các bài chiêng. Khi nhóm nghiên cứu hỏi cụ M’Lor về trình độ trình tấu chiêng của lứa cháu nội, một thành viên trong câu lạc bộ công chiêng Tẹ - Sally, cụ nhận xét: “Ồi, cái thằng đó hỏi không được, mấy cái ông đội nó đánh công chiêng dây này, có khi nó sai cũng cứ đánh bậy đánh bạ dây này, khi mà giao lưu xong rồi đó, vào trong rồi mấy đứa, mấy đứa đó có hỏi ông thế nào đâu?”

Với tâm lý trình diễn để phục vụ khách du lịch nên số lượng các bài chiêng được truyền dạy ở môi trường câu lạc bộ cũng rất hạn chế. Theo nghệ nhân Đa Gout M’Lor, người Lạch

có tổng cộng hơn 30 bài chiêng và bản thân cụ còn biết đánh 12 bài. Tuy nhiên, do chỉ biểu diễn cho khách du lịch và thời gian dành cho trình tấu công chiêng trong một show diễn rất hạn chế nên các em chỉ được dạy và chỉ muốn học tối đa là ba bài chiêng dễ nhất và vui nhất. Người học không có hứng thú học thêm trong khi người dạy cũng không muốn dạy các bài chiêng khó và các bài chiêng mang nặng tính chất nghi lễ (trong đám ma, lễ potthi, v.v...). Ở bối cảnh này, trong khi các nghệ nhân giỏi, chẳng hạn như cụ Kra Jan Hai không sẵn sàng truyền dạy cho lớp trẻ đang biểu diễn tại các câu lạc bộ vì việc truyền dạy và biểu diễn công chiêng là của người ta, không phải là việc của tôi<sup>(\*)</sup>, thì đối với những bạn trẻ đang trực tiếp biểu diễn trên sân khấu, như nghệ nhân M'Loi trấn trở, không biết xấu hổ và cũng không chịu nghe để học hỏi. Chính vì kỹ năng trình diễn chiêng của các em trong các câu lạc bộ chưa tốt nên hầu hết các em chưa thể và không được trình diễn trong các nghi lễ của cộng đồng mà ngày nay vẫn còn tổ chức.

### Thay lời kết

Sau nhiều năm bị biến đổi và mai một do quá trình hiện đại hóa kinh tế - văn hóa - xã hội và chính sách "bảo tồn có lựa chọn" của nhà nước, văn hóa truyền thống của người Lạch ở thị trấn Lạc Dương, đặc biệt là công chiêng, một số ngành nghề thủ công, các làn điệu hát dân gian, đã có một môi trường sống mới. Sự phát triển của du lịch văn hoá đi kèm với nó là nguồn lợi kinh tế từ việc bán các sản phẩm văn hoá cho khách du lịch đã trở thành một chất xúc tác cho người dân tự sưu tầm và bảo tồn các thực hành văn hoá truyền thống của họ. Thế hệ trẻ của người Lạch, trong quá trình tham gia vào các câu lạc bộ của cha chú, của những người hàng xóm láng giềng, không chỉ được truyền dạy về truyền thống văn hoá văn nghệ mà còn có điều kiện học hỏi, thực hành cách chế biến các món ăn cổ truyền của tộc người. Họ cũng được trao truyền tri thức, được

thúc đẩy lòng tự hào, tự tôn về giá trị của văn hoá cổ truyền thông qua các bộ sưu tập hiện vật vốn lúc đầu được xây dựng để phục vụ khách du lịch.

Tuy nhiên, các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản được tiến hành trong bối cảnh của sự phát triển của du lịch văn hoá ở người Lạch Lạc Dương hiện nay, như vừa phân tích, cũng đặt ra một số thách thức đối với sự tồn tại và phát triển bền vững văn hoá của cộng đồng. Để tạo sự hấp dẫn và đáp ứng nhu cầu giải trí của khách du lịch, những ông/bà chủ, đồng thời cũng là những đạo diễn của các chương trình liên hoan lửa trại chỉ lựa chọn bảo tồn và sáng chế các yếu tố văn hoá cổ truyền theo thực đơn của khách du lịch trong khi bỏ qua các thực hành và những yếu tố văn hoá được cho là nhàm chán và không hợp thời. Môi trường diễn xướng trong các câu lạc bộ với đa phần khán giả là những người "có đánh đờ đánh sai đều không biết" như nhận xét của nghệ nhân Đa Gout M'Loi nêu ở trên, không tạo ra hứng thú đủ lớn và những ràng buộc về mặt chất lượng cần thiết trong công việc trao truyền (đứng từ phía các nghệ nhân) và học nghề (đối với thế hệ trẻ) như trong môi trường truyền dạy truyền thống. Trong bối cảnh này, có lẽ đã đến lúc các cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, các nhà khoa học cũng như những người dân dã và đang tham gia vào các hoạt động liên quan đến việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá tộc người ngồi lại với nhau cùng bàn thảo, nhằm đưa ra các phương thức vừa đảm bảo di sản văn hoá của tộc người được bảo tồn vừa khai thác chúng một cách hiệu quả để cộng đồng phát triển. ■

(\*) Bài viết là một phần kết quả của đề tài cấp Nhà nước *Vai trò của văn hóa và lối sống trong phát triển bền vững Tây Nguyên* (Mã số TN3/X04) do Viện Nghiên cứu văn hóa chủ trì thực hiện, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Bản thảo đầu tiên được trình bày tại Hội thảo *Văn hoá và sự phát triển của du lịch ở Lâm Đồng*, Đa Lạt, 17-18/3/2014.

**Chủ thích**

- (1) Tuấn thủ nguyên tắc ẩn danh trong nghiên cứu dân tộc học, trong bài viết này, chúng tôi không sử dụng tên thật của một số người cấp tin.
- (2) Dự án di sản năm 2011 được thực hiện dưới sự tài trợ của Dự án Hiện đại hoá và bảo tồn di sản do Văn phòng UNESCO tại Hà Nội và Viện Nghiên cứu văn hoá nghệ thuật chủ trì. Nhóm cán bộ nghiên cứu bao gồm GS.TS, Lê Hồng Lý, PGS.TS, Nguyễn Thị Hiền, TS, Đào Thế Đức và tác giả bài viết. Dự án di sản năm 2012 được thực hiện bởi tác giả bài viết.
- (3) Phòng văn Jil Kte Jak, chủ một câu lạc bộ công chiến, ngày 9/8/2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- (4) Xem thêm thảo luận về vấn đề này trong Oscar Saleminck (1997).
- (5), (6) Phòng văn Pang Ti Mít, chủ một câu lạc bộ giao lưu công chiến, ngày 9/8/2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- (7) Phòng văn ông Jil Kte Jak, chủ một câu lạc bộ công chiến, ngày 9/9/2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- (8) Du lịch văn hoá, theo định nghĩa của Craik (1997: 121) là những cuộc tham quan các nền văn hoá và địa điểm khác để tìm hiểu về con người, lối sống, di sản và nghệ thuật... trong bối cảnh văn hoá và lịch sử của chính các cộng đồng đó.
- (9) Phòng văn ông Pang Ting Mít, chủ một câu lạc bộ công chiến tại Lạc Dương, ngày 10/8/2011.
- (10) Ngoài sân khấu này, chúng tôi cũng được gia đình anh Tỵ dẫn đến tham một khu biểu diễn khác đang được xây ở một địa điểm ngoài trời, với sức chứa ước tính khoảng hơn 1.000 người.
- (11), (13), (15) Phòng văn chị Pang Ting Sally, vợ của ông chủ một câu lạc bộ công chiến ngày 8/9/2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- (12) Xem thêm thảo luận về hiện tượng "sáng chế truyền thống" ở Việt Nam trong Nguyễn Thị Hiền và Hoàng Cẩm (2013).
- (14) Phòng văn Kran Jan Te, chủ một câu lạc bộ công chiến, ngày 8/9/2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- (16) Phòng văn ông Jil Kte Jak, chủ một câu lạc bộ công chiến, ngày 9/9/2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- (17) Phòng văn ông Kra Jan Hai, người chuyên đi tour cho khách nước ngoài tại thị trấn Lạc Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2011 tại thị trấn Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Chí Bén (2005). "Di sản văn hóa phi vật thể, từ sự tìm tòi, nghiên cứu đến bảo tồn và phát huy" (trong) Nhiều tác giả, *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Viện Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 77 - 95.
2. Chambers Erve (2000). *Native Tours: the Anthropology of Travel and Tourism* (Du lịch bản địa: Nhân học về du hành và du lịch). Illinois: Waveland Press, INC.
3. Cohen, Erik (1988). "Authenticity and commoditization in tourism" [Tính chân thực và sự thương mại hoá trong du lịch],

*Annals of Tourism Research*, tập 15.

4. Dahles, Heidi (2001). *Tourism, Heritage and National Culture in Java: Dilemmas of a Local Community* [Du lịch, di sản và văn hoá quốc gia ở Java: Sự tiến thoái lưỡng nan của một cộng đồng địa phương]. IIAS: Curzon.
5. Evans, Grant (2001). "Tourism and Minorities" trong *Viet Nams Cultural Diversity: Approaches to Preservation* [Đa dạng văn hóa Việt Nam: Những quan điểm bảo tồn]. Paris: UNESCO, tr. 277-280.
6. Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Cẩm (2013). "Sáng tạo truyền thống: Nghiên cứu trường hợp Giỗ Tổ Hùng Vương và ngày mồng 10-3 âm lịch hàng năm", trong *Tin ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong xã hội đương đại (Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, tr. 874 - 886.
7. Hobsbawm, Eric and Terence Ranger (eds) (1983). *The Invention of Tradition* [Sáng tạo truyền thống]. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Janelli, Roger (2010). "Các thách thức lý thuyết đối với công tác bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể" trong: *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
9. Lê Hồng Lý, Đào Thế Đức, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Cẩm (2010). "Vai trò của môi trường thực hành văn hóa trong việc bảo tồn di sản: Bài học từ các dự án bảo tồn di sản công chiến và nhã nhạc", trong: *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
10. Mac Cannell, D (1984). Reconstructed Ethnicity: Tourism and Cultural Identity in Third World Communities [Tính tộc người mang tính xây dựng. Du lịch, bản sắc tộc người ở các cộng đồng Thế giới thứ 3], *Annals of Tourism Research*, 11: 375 - 91.
11. Malikta, Allan (2006). "Cultural Preservation: Paradoxes in the Development of the Thai in Mai Chau [Bảo tồn văn hoá: Các nghịch lý trong phát triển ở người Thái Mai Châu]. Tham luận hội thảo *Thập cận văn hoá đương đại Việt Nam: Phương pháp luận và những nghiên cứu mới*, Hà Nội, 5 - 6/12/2006.
12. McElwee, Pamela D. (2004). "Becoming Socialist or Becoming Kinh? Government Policies for Ethnic Minorities in the Socialist Republic of Vietnam [Trở thành con người xã hội chủ nghĩa hay người Kinh? Chính sách nhà nước ở vùng tộc người thiểu số Việt Nam] trong: *Civilizing the Margins: South-east Asia Government policies for the Development of Minorities*. Duncan, C. edited. Ithaca and London: Cornell University Press.
13. Saleminck, Oscar (1997). "The King of Fire and Vietnamese Ethnic Policy in the Central Highlands" [Vua Lửa và chính sách tộc người của Việt Nam ở Tây Nguyên], trong: Don McCaskill and Ken Kampe (eds) *Development or Domestication? Indigenous Peoples of Southeast Asia*. Chiang Mai: Silksworm Book.
14. Saleminck, Oscar (2001). "Who decides who preserves what? Cultural preservation and cultural representation" [Ai quyết định ai là người bảo tồn cái gì? Bảo tồn văn hóa và biểu trưng văn hóa] trong *Viet Nams Cultural Diversity: Approaches to Preservation* [Đa dạng văn hóa Việt Nam: Những quan điểm bảo tồn]. Paris: UNESCO, tr. 205 - 226.